

Số: 20/2023/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 04 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ-Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa

học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 09/TTr-SKHCN ngày 15 tháng 03 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các Sở, ban ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ KH&CN;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (vudq/14).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hoàng



QUY ĐỊNH

**Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về phát triển tài sản trí tuệ,
nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa có sử dụng
ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**
(Kèm theo Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (sau viết tắt là *nhiệm vụ*) theo Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 (sau viết tắt là *Quyết định số 1322/QĐ-TTg*) và Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 (sau viết tắt là *Quyết định số 2205/QĐ-TTg*).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân quản lý và tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Phân nhóm nhiệm vụ

1. Các nhiệm vụ đáp ứng tiêu chí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 27 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ.

2. Các nhiệm vụ phục vụ mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trên cơ sở kế thừa kết quả tổng kết, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để áp dụng, hỗ trợ nâng cao năng suất và chất lượng sản

phẩm, hàng hóa đối với các sản phẩm, hàng hóa gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), sản phẩm chủ lực, đặc thù của tỉnh Đồng Nai.

Điều 4. Yêu cầu đối với các nhiệm vụ

1. Có khả năng duy trì và nhân rộng sau khi kết thúc nhiệm vụ;
2. Thời gian thực hiện nhiệm vụ tối đa 36 tháng;
3. Ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật;
4. Không trùng với nhiệm vụ đã và đang thực hiện trên địa bàn tỉnh; sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả và không lãng phí.

Điều 5. Yêu cầu chung đối với tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ

Thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh (sau viết tắt là *Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND*) và các yêu cầu theo quy định nêu trên có sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 4 Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 6. Thông tin và đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bao gồm: tên, mục tiêu, sản phẩm dự kiến, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm, thời gian thực hiện; tóm tắt kết quả thực hiện) được công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật.

2. Truyền thông về kết quả thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Luật Khoa học và công nghệ và Luật Báo chí.

3. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Chương II

ĐỀ XUẤT, XÁC ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ

Điều 7. Đề xuất nhiệm vụ

1. Hàng năm, trên cơ sở hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh hoặc tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ theo Biểu mẫu A1-ĐXNV ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 (sau viết tắt là *Thông tư số 15/2022/TT-BKHHCN*) hoặc Biểu mẫu B1-ĐXNV ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 (sau viết tắt là *Thông tư số 03/2021/TT-BKHHCN*).

2. Hồ sơ đề xuất nhiệm vụ được gửi trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 8. Xác định và phê duyệt danh mục nhiệm vụ

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tiếp nhận đề xuất nhiệm vụ theo quy định tại Điều 7 Quy định này, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, rà soát, xem xét, tổ chức Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.

2. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập, có 07 thành viên, bao gồm: Chủ tịch hội đồng, 01 Phó Chủ tịch hội đồng, 02 ủy viên phản biện, 01 thư ký khoa học và các ủy viên khác. Thành viên Hội đồng là chuyên gia về sở hữu trí tuệ hoặc về năng suất chất lượng, chuyên gia có chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực của nhiệm vụ, đại diện cơ quan quản lý nhà nước hoặc các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ chỉ tiến hành họp khi có sự tham dự của ít nhất 05 thành viên, trong đó phải có Chủ tịch hội đồng hoặc Phó Chủ tịch hội đồng và có 02 ủy viên phản biện (có mặt trực tiếp hoặc tham dự trực tuyến). Chủ tịch hội đồng chủ trì các phiên họp hội đồng. Trong trường hợp vắng mặt, Chủ tịch hội đồng ủy quyền cho Phó Chủ tịch hội đồng chủ trì phiên họp bằng văn bản.

a) Trình tự, thủ tục làm việc của hội đồng thực hiện như sau:

- Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Hội đồng;
- Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ tóm tắt các yêu cầu đối với Hội đồng;

- Hội đồng cử hoặc bầu một thành viên làm thư ký khoa học để ghi chép các ý kiến thảo luận và lập lập bản các phiên họp của Hội đồng;

- Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu để tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng.

b) Thành viên Hội đồng nhận xét, đánh giá các đề xuất nhiệm vụ theo quy định tại Điều 4 Quy định này và Biểu mẫu A2-NXĐG ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BKHCN hoặc B2-NXNV ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN. Hội đồng thống nhất “Đề nghị thực hiện” đối với đề xuất đặt hàng nhiệm vụ có tối thiểu 3/4 (tương đương 75%) tổng số thành viên Hội đồng tham dự phiên họp bỏ phiếu “Đề nghị thực hiện” và đề xuất phương thức thực hiện (“Tuyển chọn” hoặc “Giao trực tiếp”).

c) Hội đồng thông qua Biên bản họp theo Biểu mẫu A4-BBXĐNV ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BKHCN hoặc Biểu mẫu B3-BBNV ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN.

4. Trong trường hợp có đề nghị của Chủ tịch hội đồng và ít nhất 01 ủy viên phản biện, trước hoặc sau khi tổ chức họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức khảo sát thực địa, làm việc với đơn vị đề xuất đặt hàng và các đơn vị khác có liên quan để kiểm tra, đánh giá thông tin, số liệu nhằm xác định sự phù hợp của đối tượng, hình thức và tiêu chí đáp ứng yêu cầu trong việc xem xét, đánh giá đề xuất liên quan nhiệm vụ về phát triển tài sản trí tuệ hoặc về nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5. Trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ thông qua biên bản họp, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng danh mục nhiệm vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

Điều 9. Công bố danh mục nhiệm vụ

Trong thời hạn tối đa 5 ngày làm việc kể từ ngày được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, công bố danh mục nhiệm vụ trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ để công khai tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện.

Chương III

TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Điều 10. Thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và

Công nghệ hoặc các phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian 30 ngày để các tổ chức, cá nhân biết tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp.

2. Thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ gồm các thông tin cơ bản sau đây: tên nhiệm vụ; định hướng mục tiêu nhiệm vụ; sản phẩm dự kiến; yêu cầu về hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ; thời gian và địa chỉ nộp hồ sơ.

Điều 11. Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ

1. Đối với nhiệm vụ nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa: Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 15/2022/TT-BKHCN.

2. Đối với nhiệm vụ phát triển tài sản trí tuệ: Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN.

Điều 12. Nộp, tiếp nhận, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ

1. Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ được gửi trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Sở Khoa học và Công nghệ. Ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày dấu đóng trên phong bì của nơi tổ chức dịch vụ bưu chính hoặc ngày tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Khoa học và Công nghệ hoặc ngày nộp hồ sơ trực tuyến trên môi trường điện tử.

2. Trong thời hạn tiếp nhận hồ sơ, tổ chức đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ có quyền rút hồ sơ, thay hồ sơ mới hoặc bổ sung, sửa đổi hồ sơ đã nộp. Hồ sơ bổ sung, sửa đổi là bộ phận cấu thành của hồ sơ đã nộp trước đó.

a) Hồ sơ được xem là hợp lệ nếu nhiệm vụ thuộc danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã công bố; tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ; thành phần hồ sơ đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 5, Điều 11 Quy định này và thời hạn nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Hồ sơ được xem là không hợp lệ nếu nhiệm vụ không phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. Hồ sơ không hợp lệ sẽ xác nhận bị loại, không được tiếp tục tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc thời hạn tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ hoàn thành việc kiểm tra, xác nhận tính hợp lệ và lập Biên bản theo Biểu mẫu B6-BBXNHS ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BKHCN hoặc Biểu mẫu B7-KTHS ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN.

4. Trong thời hạn tối đa 5 ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản theo quy định tại khoản 3 Điều này, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo về tính hợp lệ (hoặc không hợp lệ) của hồ sơ cho tổ chức đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ.

Điều 13. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ

1. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập, có 07 thành viên, trong đó có Chủ tịch Hội đồng, 01 Phó Chủ tịch Hội đồng, 02 ủy viên phản biện, 01 thư ký khoa học và các ủy viên khác. Thành viên Hội đồng là chuyên gia về sở hữu trí tuệ hoặc năng suất chất lượng, chuyên gia có chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực của nhiệm vụ, đại diện cơ quan quản lý nhà nước hoặc các tổ chức khác có liên quan, trong đó có ít nhất 02 thành viên đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.

2. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND không được tham gia Hội đồng.

Điều 14. Tiêu chí, thang điểm đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ

1. Đối với nhiệm vụ nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa: Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 15/2022/TT-BKHCHN.

2. Đối với nhiệm vụ phát triển tài sản trí tuệ: Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 03/2021/TT-BKHCHN.

Điều 15. Nguyên tắc, trình tự và nội dung làm việc của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ

1. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp

a) Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tiến hành họp khi có sự tham dự của ít nhất 05 thành viên, trong đó có Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng và 02 ủy viên phản biện. Chủ tịch hội đồng chủ trì các phiên họp Hội đồng (có thể thực hiện dưới hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến). Trong trường hợp vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp bằng văn bản theo Biểu mẫu B14-GUQ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BKHCHN.

b) Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm đánh giá hồ sơ một cách trung thực, khách quan và công bằng, chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và chịu trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng.

2. Trình tự và nội dung làm việc của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp

a) Đối với nhiệm vụ nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư số 15/2022/TT-BKHCN.

b) Đối với nhiệm vụ phát triển tài sản trí tuệ: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN.

3. Hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ theo kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp

a) Trong thời hạn tối đa 5 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng thông qua biên bản họp, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kết quả họp Hội đồng cho tổ chức được kiến nghị giao nhiệm vụ (đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp).

b) Trong thời hạn tối đa 20 ngày kể từ ngày Hội đồng thông qua biên bản họp, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ được kiến nghị tuyển chọn, giao trực tiếp nộp cho Sở Khoa học và Công nghệ các tài liệu sau đây:

- Hồ sơ đã được hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng (bản gốc);
- Báo cáo giải trình có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng về những nội dung đã được hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng.

c) Trong trường hợp nộp hồ sơ trên môi trường điện tử, Sở Khoa học và Công nghệ rà soát theo Biểu mẫu B12-ĐCHS ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BKHCN.

Điều 16. Điều kiện, yêu cầu hồ sơ được tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ

1. Đối với nhiệm vụ nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa: Thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 15/2022/TT-BKHCN.

2. Đối với nhiệm vụ phát triển tài sản trí tuệ: Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN.

Điều 17. Tư vấn độc lập đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ

1. Trong trường hợp cần thiết khi có ý kiến khác với kết quả họp của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc lấy ý kiến của ít nhất 02 chuyên gia tư vấn độc lập.

2. Điều kiện đối với chuyên gia tư vấn độc lập, thủ tục lấy ý kiến và trách nhiệm của chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện theo quy định tại Điều 18, khoản 2 Điều 19 và Điều 20 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN.

3. Trong thời hạn tối đa 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản cho tổ chức nộp hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

4. Trong thời hạn tối đa 20 ngày kể từ ngày Sở Khoa học và Công nghệ ban hành văn bản thông báo theo quy định tại khoản 3 Điều này, tổ chức được kiến nghị chủ trì thực hiện nhiệm vụ hoàn thiện và gửi hồ sơ cho Sở Khoa học và Công nghệ (nếu có).

Điều 18. Thẩm định nội dung và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ

1. Việc thẩm định nội dung và dự toán kinh phí do Tổ thẩm định kinh phí các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp Bộ giao địa phương có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh thực hiện. Tổ thẩm định do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ và trình tự làm việc của Tổ thẩm định được thực hiện theo quy định tại Điều 13, 14 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN.

3. Trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao nhiệm vụ và hướng dẫn của tư vấn độc lập (nếu có), Tổ thẩm định tổ chức họp thẩm định nội dung và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Tổ thẩm định thông qua biên bản họp, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả thẩm định nội dung và dự toán kinh phí cho tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ.

Điều 19. Phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ

1. Trong thời hạn tối đa 15 ngày kể từ thông báo kết quả thẩm định nội dung và dự toán kinh phí, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của Tổ thẩm định (bao gồm Báo cáo hoàn thiện thuyết minh nhiệm vụ nếu có) và gửi lại Sở Khoa học và Công nghệ sau khi có xác nhận của Tổ trưởng Tổ thẩm định.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ.

3. Hồ sơ trình phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ:

a) Đối với nhiệm vụ nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa: Thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 21 Thông tư số 15/2022/TT-BKHCN.

b) Đối với nhiệm vụ phát triển tài sản trí tuệ: Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 26 Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN.

Điều 20. Công bố kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ được phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ phải công bố kết quả nhiệm vụ này trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Nội dung công bố bao gồm: Tên nhiệm vụ; tên, địa chỉ của tổ chức chủ trì, tên chủ nhiệm nhiệm vụ, tóm tắt mục tiêu, dự kiến kết quả/sản phẩm của nhiệm vụ và thời gian thực hiện.

3. Trong trường hợp nếu phát hiện tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ có sự gian lận, không trung thực, giả mạo, có sự trùng lặp về nhiệm vụ và vi phạm theo quy định tại Điều 3 Quy định này, ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ hủy bỏ quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ. Tùy theo mức độ vi phạm, sẽ xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

Chương IV

KÝ HỢP ĐỒNG, KIỂM TRA VÀ ĐIỀU CHỈNH VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Điều 21. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ

Căn cứ theo nhiệm vụ thực hiện được phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ theo Biểu mẫu C1-HĐNV ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BKHCN hoặc Biểu mẫu B11-HĐNV ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN.

Điều 22. Kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ

1. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm báo cáo định kỳ (6 tháng và hàng năm) tính từ ngày phát sinh số dư tài khoản tiền gửi để thực hiện nhiệm vụ do Sở Khoa học và Công nghệ tạm ứng kinh phí lần đầu hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ về tình hình thực hiện nhiệm vụ và sử dụng kinh phí của nhiệm vụ theo Biểu mẫu C2-BCND, C3-BCKP ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BKHCN hoặc Biểu mẫu B12-BCĐK, B13-BCKP ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Biên Hòa và thành phố Long

Khánh (nơi triển khai nhiệm vụ trên địa bàn) tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất tình hình thực hiện và sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

3. Quy trình kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ

a) Nội dung kiểm tra: Nội dung nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, kết quả/sản phẩm thực hiện của nhiệm vụ theo Hợp đồng đã ký kết, tình hình sử dụng kinh phí (bao gồm kinh phí từ ngân sách nhà nước và kinh phí đối ứng nếu có) và các nội dung liên quan khác.

b) Thời gian kiểm tra: Do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định (không quá 2 lần trong năm) kể từ khi Hợp đồng có hiệu lực.

c) Thành phần tham gia kiểm tra: Do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định và thành lập theo yêu cầu quản lý nhiệm vụ.

d) Trình tự và xử lý kết quả sau kiểm tra: Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Thông tư số 04/2015/TT-BKHCHN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau viết tắt là Thông tư số 04/2015/TT-BKHCHN).

Điều 23. Các thay đổi, điều chỉnh nhiệm vụ thực hiện

1. Thay đổi, điều chỉnh thời gian

a) Việc gia hạn hoặc rút ngắn thời gian thực hiện nhiệm vụ của tổ chức chủ trì nhiệm vụ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

b) Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ tối đa 02 lần/nhiệm vụ và tổng thời gian gia hạn không quá 12 tháng/nhiệm vụ.

c) Việc rút ngắn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được xem xét khi đã hoàn thành được ít nhất 3/4 nội dung hoặc thời gian thực hiện công việc (đối với nhiệm vụ nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa) và ít nhất 2/3 nội dung hoặc thời gian thực hiện công việc (đối với nhiệm vụ phát triển tài sản trí tuệ).

2. Thay đổi, điều chỉnh tổ chức chủ trì nhiệm vụ và chủ nhiệm nhiệm vụ

Thay đổi tổ chức chủ trì nhiệm vụ và chủ nhiệm nhiệm vụ: Thực hiện quy định tại Điều 16 Thông tư số 04/2015/TT-BKHCHN và Điều 5 Quy định này.

3. Điều chỉnh tên, mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ, nội dung, kinh phí từ ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ, kinh phí thực hiện nhiệm vụ ngoài ngân sách nhà nước, mua sắm nguyên vật liệu, mua máy móc thiết bị và các thay đổi, điều chỉnh khác: Thực hiện theo quy định tại các Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 17 và Điều 18 Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN.

Điều 24. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục thay đổi, điều chỉnh

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc thay đổi, điều chỉnh theo quy định tại Điều 23 Quy định này.

2. Các nội dung điều chỉnh không thuộc khoản 1 Điều này, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

3. Trình tự, thủ tục điều chỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN.

Điều 25. Chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ

1. Chấm dứt hợp đồng: Việc chấm dứt và trình tự thủ tục chấm dứt Hợp đồng được thực hiện theo quy định tại Điều 21, Điều 22 Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN.

2. Thẩm quyền chấm dứt Hợp đồng

a) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định việc chấm dứt hợp đồng; quyết định chấm dứt hợp đồng cần xác định rõ số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước, phương án xử lý sản phẩm, tài sản được hình thành hoặc mua sắm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ (nếu có).

b) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc thanh lý hợp đồng với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ.

Chương V

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Điều 26. Tự đánh giá và hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trước khi nộp hồ sơ cho Sở Khoa học và Công nghệ

a) Đối với nhiệm vụ nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa: Thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định

việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau viết tắt là Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN).

b) Đối với nhiệm vụ phát triển tài sản trí tuệ: Thực hiện theo Biểu mẫu B14-BCTĐG ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN.

2. Hồ sơ đề nghị đánh giá kết quả thực hiện

a) Đối với nhiệm vụ nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa: Thực hiện theo quy định tại Điều 31 Thông tư số 15/2022/TT-BKHCN.

b) Đối với nhiệm vụ phát triển tài sản trí tuệ: Thực hiện theo quy định tại Điều 35 Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN.

3. Nộp hồ sơ đề nghị đánh giá kết quả thực hiện

a) Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu gồm 01 bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký), được trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6909:2001, cỡ chữ 14 và 01 bản điện tử của hồ sơ (dạng PDF, không đặt mật khẩu).

b) Việc nộp và tiếp nhận hồ sơ được gửi trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Thời hạn nộp hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 7 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN.

Điều 27. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, hợp lệ.

2. Hội đồng có 07 thành viên, trong đó có Chủ tịch hội đồng, 01 Phó Chủ tịch hội đồng, 02 ủy viên phản biện, 01 thư ký khoa học và các ủy viên khác. Các thành viên Hội đồng là chuyên gia về năng suất chất lượng hoặc sở hữu trí tuệ, chuyên gia có chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực của nhiệm vụ, đại diện cơ quan có liên quan, trong đó có ít nhất 01 thành viên đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ hoặc Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ.

3. Trong trường hợp có sự hỗ trợ trực tiếp từ các tổ chức, doanh nghiệp; có sản phẩm cụ thể và đo đếm được thì Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết

định việc thành lập Tổ Chuyên gia gồm 3 thành viên, trong đó Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp làm Tổ trưởng để đánh giá, kiểm tra tình hình thực tế theo phương pháp ngẫu nhiên/trọng điểm làm cơ sở cho công tác đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ. Báo cáo kết quả của Tổ Chuyên gia theo Biểu mẫu D4-BCTĐSP ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BKHCN.

Điều 28. Trình tự, nội dung làm việc của Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Phiên họp của Hội đồng được tổ chức trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có Quyết định thành lập Hội đồng và chỉ tiến hành khi bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Sở Khoa học và Công nghệ đã nhận được đầy đủ ý kiến nhận xét bằng văn bản của 02 ủy viên phản biện và báo cáo kết quả của Tổ Chuyên gia (nếu có).

b) Có sự tham dự của ít nhất 05 thành viên, trong đó phải có Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng và ít nhất 02 ủy viên phản biện (có mặt trực tiếp hoặc tham dự trực tuyến).

2. Trình tự làm việc của Hội đồng

a) Đối với nhiệm vụ nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN.

b) Đối với nhiệm vụ phát triển tài sản trí tuệ: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN.

Điều 29. Nguyên tắc, nội dung, phương pháp và kinh phí đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Nguyên tắc đánh giá, nghiệm thu: Thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 11 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN.

2. Nội dung và phương pháp đánh giá

a) Đối với nhiệm vụ nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa: Thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14 và Điều 22 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN.

b) Đối với nhiệm vụ phát triển tài sản trí tuệ: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 40 Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN.

3. Đối với nhiệm vụ được Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ đánh giá, xếp loại “Nghiệm thu”, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hội đồng thông qua biên bản họp, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu theo kết luận của Hội

đồng và nộp cho Sở Khoa học và Công nghệ sau khi được Chủ tịch Hội đồng xác nhận về việc hoàn thiện hồ sơ.

4. Đối với nhiệm vụ được Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ đánh giá, xếp loại “Không nghiệm thu”, thì sẽ được xử lý theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

5. Kinh phí đánh giá, nghiệm thu

a) Kinh phí đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ do Sở Khoa học và Công nghệ chi từ kinh phí tổ chức quản lý các nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh.

b) Chi phí phát sinh để hoàn thiện các sản phẩm và hồ sơ nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của Hội đồng do tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ tự chi trả.

Điều 30. Công nhận kết quả, thanh lý hợp đồng và xử lý tài sản sau khi kết thúc nhiệm vụ thực hiện nhiệm vụ

1. Trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ.

2. Hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ:

a) Đối với nhiệm vụ nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Thông tư số 15/2022/TT-BKHCN.

b) Đối với nhiệm vụ phát triển tài sản trí tuệ: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN.

3. Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành thanh lý hợp đồng thực hiện với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ theo Biểu mẫu D6-TLHD ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BKHCN hoặc Biểu mẫu B18-TLHD ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN.

4. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm quản lý, khai thác hoặc bàn giao kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành. Việc xử lý tài sản (bao gồm tài sản trí tuệ) được hình thành từ nguồn vốn nhà nước đầu tư thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước

(sau viết tắt là Nghị định số 70/2018/NĐ-CP), Thông tư số 63/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP, Thông tư số 10/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước và Thông tư số 20/2020/TT-BKHCN ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 41 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP.

5. Riêng đối với nhiệm vụ phát triển tài sản trí tuệ, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 43, Điều 44 Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Tổ chức triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo nội dung tại Mục II Điều 1 Quyết định số 1322/QĐ-TTg và Mục III Điều 1 Quyết định số 2205/QĐ-TTg thuộc thẩm quyền tại địa phương.

3. Tùy yêu cầu của công tác quản lý, quyết định việc thành lập Ban Chủ nhiệm, Tổ Chuyên gia trong quá trình quản lý triển khai nhiệm vụ thuộc thẩm quyền nhằm nâng cao sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP của tỉnh (nếu có).

4. Hằng năm, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các “nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao” thuộc phạm vi ở địa phương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xem xét, quyết định.

5. Đề xuất, tổ chức hoạt động tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa và phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh.

6. Sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình đề trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 32. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý và phân công theo Quy định này.

2. Đề xuất nhiệm vụ và phối hợp tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, “nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao” tại địa phương.

3. Chủ động lồng ghép các Đề án, Chương trình, dự án do Sở, ngành chủ trì thực hiện hoặc quản lý nhằm nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa và phát triển tài sản trí tuệ đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP của tỉnh.

4. Tích cực hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ ở địa phương.

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung

1. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới tương ứng.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

MÃ SỐ CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
 (Kèm theo Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2023
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên nhiệm vụ	Mã số	Trong đó
1	Nâng cao năng suất chất lượng và chất lượng sản phẩm, hàng hóa	NSCL.ĐPĐN.XX-20YY	- NSCL: ký hiệu chung cho nhiệm vụ theo Quyết định số 1322/QĐ-TTg - SHTT: ký hiệu chung cho nhiệm vụ theo Quyết định số 2205/QĐ-TTg - ĐPĐN: ký hiệu nhiệm vụ cấp tỉnh - XX: ký hiệu số thứ tự nhiệm vụ - YY: ký hiệu 2 chữ số cuối của năm bắt đầu thực hiện nhiệm vụ
2	Phát triển tài sản trí tuệ	SHTT.ĐPĐN.XX-20YY	

520